

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2020/DS-ST

Ngày: 10/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 146/2020/TLST-DS ngày 26/5/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 155/2020/QĐST-DS ngày 11/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: 266-268 đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1994; Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng A (theo văn bản ủy quyền số: 203/2020/UQ-TTT ngày 08/5/2020 của Ngân hàng A) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1979 - (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Khu 5, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh;

Địa chỉ tạm trú: 20 Đường T, khu phố 4, phường T, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngày 11/3/2014, ông Nguyễn Văn T có ký với Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – Các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 7.500.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 6.500.000 đồng thứ tự thanh toán theo quy định tại Điều 20 của hợp đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn không có thiện chí trả nợ. Ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 06/5/2015 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày hôm nay (ngày 10/9/2020) là 15.056.590 đồng (bao gồm nợ gốc là 4.230.168 đồng, nợ lãi quá hạn là 10.826.422 đồng) và buộc ông T phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 11/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận.

(2) Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn T tiếp tục vắng mặt mà không có lý do. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc sự kiện khách quan, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa Ngân hàng A với ông Nguyễn Văn T phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn T (là người có nghĩa vụ) đã đăng ký tạm trú tại quận Thủ Đức, địa chỉ khi tiến hành giao dịch vay mượn tiền, ghi trên hợp đồng là căn nhà 20 đường số 8, khu phố 4, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015, trường hợp ông T thay đổi nơi ở mà không thông báo cho nguyên đơn thì được coi là cố tình dấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn T tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét thấy, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ký ngày 11/3/2014 (gọi tắt là Hợp đồng) giữa ông Nguyễn Văn T với Ngân hàng A là hoàn toàn tự nguyện, được lập bằng văn bản có chữ ký của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 91, 96 và 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện.

[3.2] Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ký ngày 11/3/2014 được ký kết giữa các bên, sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn T được Ngân hàng A cấp thẻ tín dụng có số tiền hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích sử dụng là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc và phí sử dụng dịch vụ là 7.500.000 đồng, ông T đã thanh toán phí trễ hạn, phí vi phạm và tiền lãi phát sinh của kỳ trước với tổng số tiền là 6.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc là 4.230.168 đồng, nhưng ông T không thanh toán cho nguyên đơn. Ngày 06/5/2015, nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày hôm nay (ngày 10/9/2020) ông Nguyễn Văn T còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 4.230.168 đồng và nợ lãi quá hạn là 10.826.422 đồng, nhận thấy số tiền nguyên đơn yêu cầu phù hợp với

thỏa thuận giữa hai bên được quy định tại Điều 2 và Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010. Xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ bên vay, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bên cho vay. Do vậy, yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95, 96 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 40, 277, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 15.056.590 đồng (mười lăm triệu không trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm chín mươi đồng), trong đó tiền nợ gốc là 4.230.168 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là 10.826.422 đồng.

Kể từ ngày 11/9/2020, ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tương ứng với số dư nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 752.830 đồng (bảy trăm năm mươi hai nghìn tám trăm ba mươi đồng), buộc ông Nguyễn Văn T phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 353.051 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0057083 ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên